

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 9- 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tùng.

Bà Vũ Phương Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 13, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Xóm 12, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Doãn Văn Ch, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Xóm 13, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Doãn Văn Ch tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã A cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/5/1999. Sau

ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng bất đồng quan điểm, khúc mắc trong việc làm ăn kinh tế. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Ch, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Doãn Thị Phương Th, sinh ngày 25/8/2003; Doãn Thị Q, sinh ngày 25/02/2009 và Doãn Phương A, sinh ngày 22/01/2011. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu Th và cháu A, không yêu cầu cấp dưỡng

Về tài sản: Chị Bùi Thị H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Doãn Văn Ch: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ch nhưng anh Ch không trình bày quan điểm và không đến của Tòa án để làm việc.

Tại bản tự khai cháu Doãn Thị Q trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là ở với anh Ch.

Tại bản tự khai cháu Doãn Phương A và cháu Doãn Thị Phương Th trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của hai cháu muốn được ở với chị H.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã A, huyện Giao Thủy: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng và con chung như đương sự trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Doãn Văn Ch; giao cháu Doãn Thị Phương Th, sinh ngày 25/8/2003 và Doãn Phương A, sinh ngày 22/01/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Doãn Thị Q, sinh ngày 25/02/2009 cho anh Doãn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Doãn Văn Ch kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh Ch không có hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2019. Anh Ch được tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải để đoàn tụ vợ chồng. Như

vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Doãn Văn Ch đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Doãn Văn Ch, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Doãn Văn Ch có 3 con chung chưa thành niên là cháu Doãn Thị Phương Th, sinh ngày 25/8/2003; Doãn Thị Q, sinh ngày 25/02/2009 và Doãn Phương A, sinh ngày 22/01/2011. Căn cứ vào điều kiện nuôi con của các đương sự và nguyện vọng của con chung, căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đủ cơ sở giao các cháu Doãn Thị Phương Th và Doãn Phương A cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Doãn Thị Q cho anh Doãn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị H là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Doãn Văn Ch.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; giao cháu Doãn Thị Phương Th, sinh ngày 25/8/2003 và cháu Doãn Phương A, sinh ngày 22/01/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Doãn Thị Q, sinh ngày 25/02/2009 cho anh Doãn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003688 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã Hoàn Sơn: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên